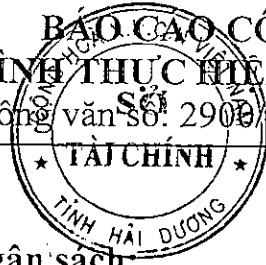


BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSDP QUÝ III NĂM 2019
(Kèm theo Công văn số: 2900/STC-KHNS ngày 8/10/2019 của Sở Tài chính)



1. Thu ngân sách:

Tổng thu NSNN trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2019 đạt: 14.551 tỷ 873 triệu đồng, đạt 98% dự toán, bằng 123% so với cùng kỳ năm trước. Ngân sách địa phương được hưởng 6.534 tỷ 068 triệu đồng, trong đó:

- Thu nội địa: đạt 11.107 tỷ 858 triệu đồng, đạt 92% dự toán, bằng 117% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tăng từ thu tiền sử dụng đất

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: đạt 3.364 tỷ 640 triệu đồng, đạt 119% dự toán, bằng 145% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo biểu số 01)

- Có 4 khoản thu hoàn thành vượt dự toán:

+ Thu tiền sử dụng đất đạt 3.028,732 tỷ đồng, bằng 216% dự toán năm, bằng 152% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty CP EcoPark Hải Dương nộp tiền sử dụng đất của Dự án khu đô thị ven sông Thái Bình là 677,5 tỷ đồng, đồng thời các huyện cũng tăng cường thực hiện đấu giá đất dân cư, đất dự án, đất đôi dư, xen kẹp để tạo nguồn đầu tư cơ sở hạ tầng XDCB, xây dựng nông thôn mới.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 84,182 tỷ đồng, bằng 281% dự toán, tăng 114% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty cổ phần khoáng sản Kim Bôi nộp hết số nợ và phát sinh năm 2019 số tiền 11,2 tỷ đồng; Công ty CP nhiệt điện Phả Lại nộp số truy thu của Thanh tra Bộ TNMT 21 tỷ đồng.

+ Thu khác ngân sách đạt 200,9 tỷ đồng, đạt 134% dự toán năm và bằng 135% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do thay đổi chính sách *(Các khoản phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đều chuyển vào thu khác ngân sách)*.

+ Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia NN và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN ước đạt 15 tỷ đồng, đạt 137% dự toán năm.

Nguyên nhân chủ yếu do Công ty CP nước sạch nộp số tiền được chia năm 2018 phát sinh 14 tỷ đồng.

- Có 4 khoản thu đạt trên 75% so với tiến độ dự toán như:

+ Thu từ thuế thu nhập cá nhân ước đạt 656,8 tỷ đồng, đạt 85% dự toán năm, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

+ Lệ phí trước bạ ước đạt 419 tỷ đồng, đạt 96% dự toán năm, tăng 24% so với cùng kỳ do thay đổi chính sách tăng lệ phí trước bạ đối với xe bán tải.

+ Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước đạt 27,5 tỷ đồng, đạt 98% so với dự toán và bằng 113% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác (thu tại xã) ước đạt 17,9 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán năm.

- Một số khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong NSNN nhưng tiến độ thu đạt thấp so với dự toán:

+ Khu vực DNNN Trung ương đạt 708 tỷ đồng, đạt 64% dự toán; bằng 95% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty xi măng Hoàng Thạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất xi măng nên thuế GTGT phát sinh thấp; Công ty Bia HN-HD sản lượng tiêu thụ thấp do cạnh tranh mạnh với Bia Sài Gòn và bia Tiger.

+ Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN ước đạt 3.090 tỷ đồng, đạt 74% dự toán, bằng 109% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty TNHH Ford Việt Nam số lượng xe tiêu thụ (chủ yếu xe nhập khẩu) và số nộp ngân sách tăng so với cùng kỳ.

+ Thu thuế bảo vệ môi trường đạt 395 tỷ đồng, bằng 67% dự toán năm, bằng 155% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu sản lượng tiêu thụ các mặt hàng xăng, dầu chưa đạt được mức như dự toán Bộ Tài chính – Tổng Cục thuế giao.

+ Thu tiền thuê đất ước đạt 165 tỷ đồng, đạt 59% dự toán, chỉ bằng 70% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do đạt thấp so với dự toán giao là do chưa đến kỳ nộp thuế (trong năm tiền thuê đất nộp vào 2 kỳ là tháng 4 và tháng 10), nguyên nhân đạt thấp so với cùng kỳ năm trước do năm 2018 có nộp tiền nợ năm trước của Công ty CP đầu tư Hoàng Phúc, Công ty CP sân golf Chí Linh số tiền 48,4 tỷ đồng và Công ty CP đầu tư Ecopark nộp tiền thuê đất một lần số tiền 64,9 tỷ đồng.

2. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt: 10.341 tỷ 978 triệu đồng, đạt 86% dự toán năm, bằng 120% so với cùng kỳ năm trước (Chi tiết theo biểu số 02), trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: ước đạt 3.010 tỷ 747 triệu đồng, đạt 138% dự toán năm, bằng 154% so với cùng kỳ năm trước. Chi đầu tư tăng cao chủ yếu là do chuyển nguồn số tạm ứng từ năm 2018 là 221 tỷ 524 triệu đồng, số dự dự toán đầu tư XDCB của các cấp ngân sách và chi từ số tăng thu tiền đất năm 2018 dành cho đầu tư.

2.2. Chi thường xuyên: ước đạt 6.688 tỷ 727 triệu đồng, đạt 76% dự toán năm, bằng 108% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế: 688 tỷ 704 triệu đồng, đạt 83% dự toán năm, bằng 109% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng cao chủ yếu là do cấp kinh phí hỗ trợ người dân có lợn mắc dịch tả lợn châu Phi phải tiêu hủy, kinh phí chi cho công tác tiêu hủy và phòng chống dịch tả lợn; kinh phí trả nợ xi măng trả chậm cho các Công ty Xi măng là 86,8 tỷ đồng; kinh phí miễn thuỷ lợi phí cho nông dân và các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp qua Công ty Khai thác công trình thuỷ lợi: 254,3 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 2.693 tỷ 550 triệu đồng, đạt 73% dự toán năm, bằng 102% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp y tế: 760 tỷ 515 triệu đồng, đạt 76% dự toán năm, bằng 121% so với cùng kỳ năm trước (trong đó chi hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh, người tham gia kháng chiến, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh sinh viên là 316 tỷ đồng).

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 20 tỷ 503 triệu đồng, đạt 50% dự toán kinh phí cấp theo hợp đồng với chủ nhiệm đề tài và theo tiến độ thực hiện đề tài khoa học công nghệ..

- Chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao: 95 tỷ 160 triệu đồng, đạt 64% dự toán, bằng 130% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 477 tỷ 029 triệu đồng, đạt 71% dự toán năm, bằng 102% so với cùng kỳ năm trước. (trong đó các khoản chi như quà tết cho các gia đình chính sách là 57,2 tỷ đồng)

- Chi quản lý hành chính: 1.416 tỷ 943 triệu đồng, đạt 85% dự toán, do những tháng đầu năm, thực hiện sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cơ quan đơn vị quản lý nhà nước khẩn trương tập trung triển khai ngay các nhiệm vụ trọng tâm được giao để đảm bảo hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu năm 2019.

2.4. Các chương trình mục tiêu TW bổ sung cho ngân sách địa phương: ước đạt 548 tỷ 739 triệu đồng, đạt 72% so với dự toán năm chủ yếu là thanh toán

vốn cho các dự án đầu tư ngân sách Trung ương hỗ trợ, chi chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và chi các chương trình mục tiêu TW bổ sung vốn sự nghiệp.

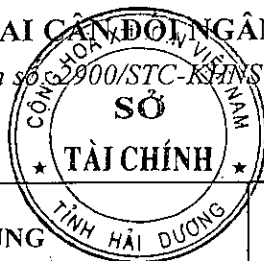
2.5. Chi tạm ứng: 93 tỷ 761 triệu đồng chủ yếu là các khoản chi tạm ứng năm 2018 chuyển nguồn sang năm 2019.

Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm, với sự chỉ đạo, điều hành sát sao, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự chủ động của các cấp, các ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã trong việc triển khai, thực hiện dự toán thu chi ngân sách ngay từ những tháng đầu năm, chi tiêu tiết kiệm, hợp lý trên tinh thần phát huy tính tích cực tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách. Thu ngân sách trên địa bàn những tháng đầu năm đạt khá so với dự toán (thu nội địa ước đạt 92% dự toán năm), đã chủ động được nguồn để chi đảm bảo các nhiệm vụ được giao ngay trong những tháng đầu năm, kinh phí an sinh xã hội được cấp phát kịp thời và thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2019, Sở Tài chính tỉnh Hải Dương trân trọng báo cáo./

BÁO CÁO CÔNG KHAI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 900/STC-KHNS ngày 8/10/2019 của Sở Tài chính Hải Dương)



Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.882.000	18.600.174	125%	120%
I	Thu cân đối NSNN	14.882.000	14.551.269	98%	123%
1	Thu nội địa	12.062.000	11.107.858	92%	117%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động XNK	2.820.000	3.364.640	119%	145%
4	Thu viện trợ		78.771		208%
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.048.905		111%
B	TỔNG CHI NSDP	11.983.368	10.341.978	86%	120%
I	Chi cân đối NSDP	11.221.602	9.793.238	87%	119%
1	Chi đầu tư phát triển	2.181.809	3.010.747	138%	154%
2	Chi thường xuyên	8.812.886	6.688.727	76%	108%
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	800	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.230			
5	Dự phòng ngân sách	224.877			
6	Chi tạm ứng		93.764		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	761.766	548.739	72%	
C	BỘI THU NS	22.100	32.500		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	53.100	32.500		

BÁO CÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số: 2900/STC-KHNS ngày 8/10/2019 của Sở Tài chính Hải Dương)



Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH TH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.882.000	14.551.269	98%	123%
1	Thu nội địa	12.062.000	11.107.858	92%	117%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.230.000	828.392	67%	101%
	THU TỪ DNNN TRUNG ƯƠNG	1.110.000	708.459	64%	95%
	THU TỪ DNNN ĐỊA PHƯƠNG	120.000	119.933	100%	162%
2	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN	4.160.000	3.090.927	74%	109%
3	Thu từ khu vực kinh tế NQD	2.750.000	2.030.985	74%	99%
4	Thuế thu nhập cá nhân	770.000	656.846	85%	113%
5	Thuế bảo vệ môi trường	590.000	395.289	67%	155%
6	Lệ phí trước bạ	435.000	419.056	96%	124%
7	Thu phí, lệ phí	170.000	117.148	69%	106%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.708.000	3.221.694	189%	143%
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	86		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	28.000	27.567	98%	113%
	Thu tiền sử dụng đất	1.400.000	3.028.732	216%	152%
	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	280.000	165.309	59%	70%
	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	0	0		
9	Thu cấp-quyền khai thác khoáng sản	30.000	84.182	281%	214%
10	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia của NN và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN	11.000	15.927	137%	139%
11	Thu từ hoạt động XSKT	40.000	29.454	74%	98%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	18.000	17.949	100%	60%
13	Thu khác ngân sách	150.000	200.909	134%	135%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động XNK	2.820.000	3.364.640	119%	145%
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.750.000	2.454.154	140%	
2	Thuế xuất khẩu	6.000	5.478	91%	
3	Thuế nhập khẩu	982.000	510.166	52%	
4	Thuế TTĐB từ hàng hóa nhập khẩu	75.000	367.473	490%	
5	Thuế BVMT từ hàng hóa nhập khẩu	7.000	13.918	199%	
6	Thuế khác	0	13.451		
IV	Thu viện trợ, huy động đóng góp	0	78.771		208%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	11.158.857	10.222.221	92%	
1	Từ các khoản thu phân chia	8.957.857	6.534.068	73%	
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.201.000	3.688.153	168%	

BÁO CÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số: 2900/STC-KHNS ngày 8/10/2019 của Sở Tài chính Hải Dương)



Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH TH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	11.983.368	10.341.978	86%	120%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.221.602	9.793.238	87%	119%
I	Chi đầu tư phát triển	2.181.809	3.010.747	138%	154%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.141.809	3.001.627	140%	156%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN cung cấp sản phẩm, DV công ích do NN đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	40.000	9.120	23%	
4	Chi trả vốn vay tiền ngân KBNN	0	0		
II	Chi thường xuyên	8.812.886	6.688.727	76%	108%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.695.103	2.693.550	73%	102%
2	Chi khoa học và công nghệ	41.130	20.503	50%	95%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.001.405	760.515	76%	121%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thể thao	149.009	95.160	64%	130%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	65.093	52.960	81%	110%
6	Chi sự nghiệp môi trường và KTTT	428.732	263.275	61%	154%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	826.316	688.704	83%	109%
8	Chi quản lý hành chính	1.676.384	1.416.943	85%	115%
9	Chi đảm bảo xã hội	674.386	477.029	71%	102%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	800	0		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.230	0		
V	Dự phòng ngân sách	224.877	0		
VI	Chi tạm ứng	0	93.764		
VII	Chi nguồn CCTL				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	761.766	548.739	72%	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	258.800	148.562	57%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	302.658	82.908	27%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách KP thường xuyên	200.308	317.269	158%	

